



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 10/2020
Từ 02/3 - 06/3/2020

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: TĂNG LƯƠNG TỪ NĂM 2021 VÀ PHẢI GIẢM MẠNH BIÊN CHẾ

Lộ trình tăng lương phải đi cùng với lộ trình giảm biên chế, nhất là ở các đơn vị sự nghiệp công lập. Chỉ đạo này được Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đưa ra trong phiên họp Ban chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công diễn ra chiều ngày 04/3.



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc phát biểu tại phiên họp. Ảnh: VGP/Quang Hiếu

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính và chính quyền các địa phương chuẩn bị nguồn ngân sách để thực hiện cải cách tiền lương theo hướng hàng năm, dành khoảng 50% tăng thu dự toán và 70% tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương cùng với khoảng 40% tăng thu ngân sách Trung ương. Tuy nhiên, để bảo đảm bảo bền vững các địa phương phải nhất quán thực hiện tinh gọn bộ máy, giảm biên chế theo phương châm lộ trình tăng lương phải đi cùng với lộ trình giảm biên chế, nhất là ở các đơn vị sự nghiệp công lập. “Đã cải cách thì phải ra cải cách, chứ không phải chỉ điều chỉnh đôi chút, không có nhiều ý nghĩa. Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng”.

Thực trạng vấn đề tiền công, tiền lương hiện nay và đội ngũ cán bộ, công chức có quá nhiều vấn đề phải giải quyết, tính toán lại. Điều chỉnh lương chúng ta đã thực hiện nhiều lần nhưng vẫn chẳng có ý nghĩa gì với thực tế chi phí cho mức sống tối thiểu của người lao động. Việc tăng lương đã công bằng hay chưa? Thực sự là chưa công bằng vì chưa trả đúng với chất lượng, hiệu quả công việc, còn mang tính cào bằng, dàn hàng ngang. Điều này gây gánh nặng cho ngân sách trong một thời gian rất dài.

Việc tìm nguồn và bố trí nguồn để tăng lương là việc khó nhưng không phải khó đến mức không thể làm được. Bởi, với sự nỗ lực, phấn đấu của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp... thì tăng trưởng kinh tế sẽ có phần dư giả để bố trí nguồn thực hiện tăng lương. Câu chuyện chúng ta bàn nhiều và khó thực hiện hơn cả chính là tinh giản biên chế. Nhiều năm qua, chúng ta rất ráo thực hiện công cuộc tinh giản biên chế nhưng cuối cùng các nhà quản lý được giao nhiệm vụ này đã phải thừa nhận thất bại.

Vì sao? Vì chúng ta không xây dựng được vị trí việc làm một cách khoa học, công khai, minh bạch nên không có thước đo, tiêu chí đánh giá chính xác chất lượng, hiệu quả công việc; vì, trong hệ thống của chúng ta có quá nhiều mối quan hệ chòng chéo, giằng co nên dù một cán bộ, công chức có yếu kém cũng không thể tinh giản.

Một bộ máy công kênh, có quá nhiều nhân lực yếu kém khiến hiệu quả công việc, năng suất lao động luôn ở mức thấp. Tăng lương khi nào mới công bằng, mới có ý nghĩa? chỉ khi việc tinh giản biên chế phải thực hiện hiệu quả. Khi đó, chúng ta có điều kiện trả lương cao cho người làm việc tốt, hệ thống cơ quan Nhà nước khi đó mới mong thu hút được người tài và cũng có thể giải quyết nhiều bài toán bất cập hiện nay trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức./.

Nguồn: vov.vn

BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG: TỔ CHỨC THI TUYỂN 5 CHỨC DANH

Ngày 27/02, Ban Tổ chức Trung ương ban hành Kế hoạch số 253-KH/BTCTW thi tuyển chức danh lãnh đạo cấp cục, vụ của Ban Tổ chức Trung ương.

Theo kế hoạch, Ban Tổ chức Trung ương sẽ tổ chức thi tuyển 5 vị trí: Cục trưởng Cục Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị nội bộ; Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Điều lệ; Phó Vụ trưởng Vụ Cơ sở đảng, đảng viên; Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ.

Đối tượng dự thi là những cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch vào các chức danh thi tuyển và tương đương ở các vụ, cục, đơn vị của Ban Tổ chức Trung ương hoặc ở địa phương, cơ quan khác có đơn đăng ký dự thi.

Ngoài điều kiện, tiêu chuẩn chung, tùy từng chức danh thi tuyển, người dự thi cần phải có những điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể.

Đối với chức danh Cục trưởng Cục Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, người dự thi phải có bằng tiến sĩ; có tư duy, phương pháp luận khoa học; có khả năng chủ trì xây dựng đề tài, đề án về công tác tổ chức xây dựng Đảng để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương.

Ngoài ra, phải nhiệt huyết và đam mê với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; có cách tiếp cận và giải quyết vấn đề thực tiễn hợp lý và hiệu quả.

Đối với chức danh Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị nội bộ phải có bằng đại học trở lên chuyên ngành tổ chức xây dựng Đảng, luật, an ninh, cảnh sát; có tư duy, phương pháp luận khoa học; có khả năng tham mưu xây dựng các đề tài, đề án về công tác tổ chức xây dựng Đảng để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương.

Chức danh này cũng yêu cầu người dự thi có nhiệt huyết và đam mê với công tác bảo vệ chính trị nội bộ; có cách tiếp cận và giải quyết vấn đề thực tiễn hợp lý và hiệu quả.

Đối với chức danh Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Điều lệ cần có bằng đại học trở lên; có tư duy, phương pháp luận khoa học; có khả năng tham mưu xây dựng các đề tài, đề án về công tác tổ chức xây dựng Đảng để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương.

Đặc biệt, ứng viên cần có kinh nghiệm trong xây dựng đề án, đề tài, các quy định, quy chế về tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị và Điều lệ Đảng.

Người dự thi vào chức danh này cũng phải có nhiệt huyết với công tác tổ chức xây dựng Đảng về tổ chức, điều lệ; có cách tiếp cận và giải quyết vấn đề thực tiễn hợp lý và hiệu quả.

Đối với 02 chức danh Phó Vụ trưởng Vụ Cơ sở đảng, đảng viên, Phó vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ cơ quan đều yêu cầu có bằng đại học trở lên; có tư duy, phương pháp luận khoa học; có khả năng tham mưu xây dựng các đề tài, đề án về công tác tổ chức xây dựng Đảng để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương.

Chức danh Phó Vụ trưởng Vụ Cơ sở đảng, đảng viên yêu cầu có nhiệt huyết với công tác tổ chức xây dựng Đảng về cơ sở đảng, đảng viên; có cách tiếp cận và giải quyết vấn đề thực tiễn hợp lý và hiệu quả.

Người thi vào chức danh Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ cơ quan cần có nhiệt huyết với công tác tổ chức cán bộ; có kinh nghiệm thực tiễn về xây dựng vị trí việc làm trong hệ thống chính trị.

Nguồn: vov.vn

TỔ CÔNG TÁC CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: KIỂM TRA 15 BỘ, CƠ QUAN VỀ XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

Phát biểu tại buổi làm việc với 15 Bộ, cơ quan về tình hình triển khai nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử và cải cách thủ tục hành chính diễn ra chiều ngày 28/02, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng, Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, với tinh thần chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ là không để nhiệm vụ nào không hoàn thành, đặc biệt trong thời điểm đang tập trung phòng chống dịch COVID-19 thì vấn đề rất quan trọng là cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử, tập trung cung cấp dịch vụ công đến người dân, doanh nghiệp.

“Chúng ta phải cải cách tốt để tạo dư địa tăng trưởng trong thời điểm năm nay khó khăn vì đang tập trung cho công tác phòng chống dịch bệnh”, Tổ trưởng Tổ công tác nhấn mạnh.

Vì vậy, Tổ công tác làm việc với 15 Bộ, cơ quan nhằm tiếp tục thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, trong đó có các vấn đề như cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh và kiểm tra lại các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao liên quan xây dựng Chính phủ điện tử tại các Bộ, cơ quan.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ nhấn mạnh trong năm 2019 và 2 tháng đầu năm 2020, với sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ và sự chung tay của các Bộ, địa phương, kết quả ban đầu là đáng khích lệ. Trong đó, 3 sản phẩm: Công dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet), Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước được bình chọn là những sự kiện công nghệ thông tin tiêu biểu trong năm 2019.

Công tác xây dựng, rà soát, cắt giảm điều kiện kinh doanh cũng được các Bộ tham gia mạnh mẽ. Trong đó, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng Đề án cải cách kiểm tra chuyên ngành theo hướng cơ quan hải quan là đầu mối thực hiện kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu, lộ trình và cách làm đang được Bộ hoàn thiện; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đã được các địa phương quan tâm chỉ đạo và đã có những phản hồi tích cực trong nhân dân.

Tuy nhiên, theo Tổ trưởng Tổ công tác, dù có nhiều cố gắng nhưng trong thời điểm dịch bệnh COVID-19, quan điểm Thủ tướng Chính phủ là phải thúc đẩy mạnh mẽ hơn việc phát triển Chính phủ điện tử. Vì vậy, trên cơ sở báo cáo của các Bộ, cơ quan, Tổ công tác sẽ báo cáo tổng hợp việc Chính phủ giao cho các Bộ, cơ quan về các nhiệm vụ Chính phủ giao liên quan đến cải cách thủ tục hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng, Tổ trưởng Tổ công tác đề nghị, đối với những nhiệm vụ được ghi trong Nghị quyết số 17/NQ-CP, các Bộ, cơ quan phải thực hiện nghiêm túc, đặc biệt là những nhiệm vụ liên quan đến kết nối chia sẻ dữ liệu, định danh xác thực điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử... Tổ trưởng Tổ công tác đề nghị những Bộ, cơ quan có nhiệm vụ đang chậm cần đẩy mạnh thực hiện với mục tiêu không nhiệm vụ nào không thực hiện và không để nhiệm vụ nào quá hạn.

Về gửi nhận văn bản điện tử, Tổ trưởng Tổ công tác cho biết, đây là quyết tâm của Thủ tướng Chính phủ, nếu làm tốt sẽ giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm được khoảng 1.200 tỷ đồng/năm, vì vậy, đề nghị các Bộ, cơ quan phải quyết tâm để đến tháng 6/2020 gửi nhận văn bản điện tử 4 cấp. Về thực hiện dịch vụ công, ở thời điểm dịch bệnh hiện nay, Tổ trưởng Tổ công tác nhấn mạnh phải đẩy mạnh thực hiện đưa dịch vụ công lên Cổng dịch vụ công quốc gia...

Nguồn: baochinhpvu.vn

CUNG CẤP MỘT SỐ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN LIÊN THÔNG TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

Văn phòng Chính phủ vừa có văn bản truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam về thực hiện một số nhiệm vụ vận hành Cổng dịch vụ công quốc gia.

Theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam yêu cầu các Bộ, địa phương triển khai các nhiệm vụ đề trong quý II/2020 có thể cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Cụ thể, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam giao Bộ Tư pháp hoàn thiện Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin “một cửa” điện tử tập trung của Bộ để khai thác, sử dụng các hạ tầng dùng chung đã được xây dựng trên Cổng dịch vụ công quốc gia, như: Xác thực, định danh người dùng, nền tảng thanh toán tập trung; kết nối, đồng bộ trạng thái hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính để theo dõi tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ và các đơn vị trực thuộc Bộ trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Thời hạn hoàn thành trong quý I/2020.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, đơn giản hóa thủ tục hành chính làm cơ sở để tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục: Đăng ký khai sinh; cấp phiếu lý lịch tư pháp; nhóm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm. Thời hạn hoàn thành trước ngày 10/3/2020.

Trước ngày 10/3/2020, Bộ Tư pháp hoàn thành tích hợp, chia sẻ dữ liệu hệ thống đăng ký khai sinh với Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin “một cửa” điện tử cấp tỉnh để phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến đăng ký khai sinh trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh.

Phó Thủ tướng Chính phủ cũng giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, tổ chức tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Thời hạn hoàn thành trong quý II/2020.

Bộ Tư pháp tích hợp hệ thống đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến với Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin “một cửa” điện tử cấp tỉnh để thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp phiếu lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tư pháp và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với nhóm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm trên Cổng dịch vụ công quốc gia, hoàn thành trước ngày 10/3/2020...

Nguồn: hanoimoi.com.vn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: RÀ SOÁT CÁC ĐẦU MỐI, THỦ TỤC, ĐẢM BẢO TỐT VIỆC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tại Hội nghị Triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn diễn ra ngày 28/02, Thứ trưởng thường trực Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Công Tuấn yêu cầu, muốn cải cách hành chính tốt, các đơn vị chức năng của Bộ thời gian tới đây phải rà soát lại các đầu việc, các thủ tục.

“Việc rà soát là rất khó, không đơn giản nhưng các đơn vị phải thực sự nghiêm túc. Hiện có những thông tư sửa đổi rất nhiều, nhưng vẫn chùng chèo. Vì vậy, phải làm sao thống nhất được để đảm bảo mục tiêu cắt giảm thủ tục hành chính thực sự.”, Thứ trưởng Hà Công Tuấn nói.

Về vấn đề chậm trễ triển khai cung cấp dịch vụ công, Thứ trưởng Hà Công Tuấn cho hay, các đơn vị chức năng của Bộ phải làm nhanh hơn nữa, để kết nối Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Chính phủ và các Bộ, ngành khác.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhiều nhiệm vụ triển khai cải cách của Bộ còn chậm so với yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó, có việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Đến hết năm 2019, Bộ mới có tổng số 46 thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4 bao gồm: 16 thủ tục hành chính thực hiện cơ chế một cửa quốc gia và 30 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong tổng số 255 thủ tục hành chính cấp Trung ương thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ.

Trong khi Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ yêu cầu các Bộ thực hiện cung cấp ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết ở cấp độ 4.

Báo cáo về nhiệm vụ cải cách hành chính của Bộ, đại diện lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho hay, trong năm qua, Bộ rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa ngành nghề kinh doanh có điều kiện; điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đảm bảo chỉ tiêu, yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, lĩnh vực nông nghiệp hiện có 272 điều kiện kinh doanh; đã bãi bỏ, sửa đổi theo hướng đơn giản hóa 251 điều kiện kinh doanh, trong đó bãi bỏ 115 điều kiện kinh doanh; 136 điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa.

Về triển khai cơ chế một cửa quốc gia, đến hết năm 2019, Bộ đã hoàn thành kết nối 16 thủ tục trên Cơ chế một cửa quốc gia. Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cơ chế một cửa quốc gia tại Bộ hoạt động ổn định; Công dịch vụ công trực tuyến của Bộ hoạt động ổn định. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cung cấp 30 dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, 4. Cổng thông tin điện tử thường xuyên cập nhật, rà soát, công khai toàn bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Đại diện Vụ Tổ chức cán bộ cho hay, trong năm 2020, Bộ sẽ nỗ lực để cung cấp ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết ở cấp độ 4; cho phép người dân, doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt bằng nhiều phương tiện khác nhau; tích hợp lên Cổng dịch vụ quốc gia theo lộ trình.

Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao, thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, cải cách kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại...

Nguồn: ttxvn

ĐỊA PHƯƠNG CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI SỐ HÓA DỮ LIỆU HỘ TỊCH

Trước đó nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có ý kiến đề nghị Bộ Tư pháp sớm tổ chức các lớp tập huấn về công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và cách thức thực hiện nhiệm vụ Số hóa Sổ hộ tịch cho các địa phương để triển khai thực hiện thống nhất.

Trả lời địa phương, Bộ Tư pháp cho biết, đã có nhiều giải pháp hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện số hóa, cập nhật dữ liệu hộ tịch lịch sử từ các Sổ hộ tịch cũ tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc. Bộ Tư pháp đã xây dựng tài liệu Hướng dẫn và Phần mềm công cụ hỗ trợ việc thực hiện số hóa Sổ hộ tịch. Ngày 25/4/2019, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1437/BTP-CNTT (kèm theo tài liệu “Hướng dẫn thực hiện số hóa sổ hộ tịch”) gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn triển khai thống nhất.

Tài liệu hướng dẫn thực hiện số hóa Sổ hộ tịch nêu rõ, ưu tiên tập trung hoàn thành việc số hóa các Sổ hộ tịch đã được đăng ký trong 2 giai đoạn gồm: Giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến thời điểm địa phương chính thức triển khai Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (dữ liệu hộ tịch được đăng ký theo quy định của Luật Hộ tịch). Giai đoạn từ năm 2006 đến hết năm 2015 (dữ liệu hộ tịch được đăng ký theo quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP). Theo Bộ Tư pháp, đây là hai giai đoạn công tác đăng ký, quản lý hộ tịch được thực hiện bài bản và Sổ đăng ký hộ tịch được lưu trữ đầy đủ nhất. Sở Tư pháp là đơn vị chủ trì, chịu trách nhiệm chính về tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu hộ tịch được số hóa tại địa phương.

Về phần mềm quản lý dữ liệu hộ tịch lịch sử (giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2015) theo quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, Bộ Tư pháp cho biết: Đây là công cụ miễn phí, hỗ trợ các đơn vị tham gia số hóa dữ liệu hộ tịch điện tử trên toàn quốc có thể cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu hộ tịch đã được đăng ký theo các quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP một cách chủ động, dễ dàng và độc lập so với Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch. Từ đó, cho phép các đơn vị tham gia triển khai có thể sử dụng nhân sự cập nhật dữ liệu hoặc thuê dịch vụ số hóa dữ liệu một cách linh hoạt, hiệu quả, đồng thời, có thể giám sát việc cập nhật dữ liệu một cách dễ dàng.

Theo Bộ Tư pháp, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại các tài liệu nói trên, các địa phương cần chủ động triển khai việc số hóa dữ liệu hồ tịch trên địa bàn địa phương. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có liên quan liên hệ trực tiếp với Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) để được hỗ trợ, giải đáp.

Nguồn: phapluatxahoi.vn

BỘ NỘI VỤ: ĐỀ XUẤT MỚI VỀ TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ VIÊN CHỨC

Bộ Nội vụ đang dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và đăng tải lấy ý kiến Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ.

Theo dự thảo Nghị định, người đăng ký dự tuyển phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Điều 22 Luật Viên chức.

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Luật Viên chức được bổ sung các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 22 Luật Viên chức nhưng không được trái với quy định của pháp luật, không được phân biệt loại hình đào tạo, văn bằng chứng chỉ, trường công lập, trường ngoài công lập và phải được cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt trước khi thực hiện.

Người đăng ký dự tuyển có bằng tốt nghiệp tại cơ sở giáo dục chuyên nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học đã thực hiện chương trình đào tạo chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học mà tương ứng với yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học quy định tại tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm đăng ký dự tuyển thì không yêu cầu phải có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

Những người đăng ký dự tuyển vào vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao tuổi dự tuyển có thể thấp hơn 18 tuổi nhưng phải từ đủ 15 tuổi trở lên và được sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật.

Ngoài ra, để đảm bảo tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia vào các đơn vị sự nghiệp công lập ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện thì cơ quan sử dụng viên chức xác định chỉ tiêu tuyển dụng tương ứng với vị trí việc làm để tuyển dụng đối với người dân tộc thiểu số.

Thi tuyển viên chức được thực hiện theo hai vòng thi, vòng 1 thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính. Trường hợp cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức không có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy. Nội dung thi trắc nghiệm gồm 3 phần: kiến thức chung có 60 câu hỏi, thời gian 60 phút; ngoại ngữ có 30 câu hỏi, thời gian 30 phút; tin học có 30 câu hỏi, thời gian 30 phút.

Trường hợp được miễn thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp: có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ; có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt

nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam (có văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành); người dự tuyển làm viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận. Miễn thi phần tin học (vòng 1) đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học hoặc toán - tin trở lên.

Vòng 2, thi môn nghiệp vụ chuyên ngành dưới hình thức phỏng vấn hoặc thực hành hoặc thi viết, với thang điểm là 100 điểm, thời gian thi phỏng vấn là 30 phút, thi viết là 180 phút, còn thời gian thi thực hành do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt động chuyên ngành và vị trí việc làm tuyển dụng.

Về xét tuyển viên chức, được thực hiện theo 2 vòng, vòng 1 kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2 quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định này. Vòng 2, thi phỏng vấn hoặc thực hành hoặc thi viết để kiểm tra trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển, thang điểm là 100 điểm, thời gian thi phỏng vấn là 30 phút, thi viết là 180 phút.

Về trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức, căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức quy định tại Điều 4 Nghị định này và theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức được xem xét tiếp nhận vào viên chức đối với các trường hợp sau: các trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, gồm: người đăng ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; người hưởng lương trong lực lượng vũ trang và người làm công tác cơ yếu; người đang là cán bộ, công chức cấp xã; người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống. Trường hợp đã là cán bộ, công chức, viên chức sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định cũng quy định chi tiết về trình tự, thủ tục tuyển dụng viên chức, bao gồm: thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức; tổ chức tuyển dụng viên chức; thông báo kết quả tuyển dụng viên chức.

Về hợp đồng làm việc, người mới trúng tuyển vào viên chức phải ký hợp đồng làm việc xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 60 tháng với người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thẩm quyền tuyển dụng viên chức, trừ trường hợp là cán bộ, công chức chuyển thành viên chức theo quy định tại điểm d, điểm đ Khoản 1 Điều 58 Luật Viên chức hoặc các trường hợp trúng tuyển

vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức quy định tại Điều 12 Nghị định này. Thời gian thực hiện chế độ tập sự (nếu có) được quy định trong hợp đồng làm việc xác định thời hạn. Sau khi hết hạn hợp đồng làm việc người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức.

Trường hợp viên chức được tuyển dụng vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sau khi hết thời hạn của hợp đồng làm việc, được xem xét, quyết định việc ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức.

Trường hợp là cán bộ, công chức chuyển thành viên chức theo quy định hoặc trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thẩm quyền tuyển dụng viên chức thực hiện việc ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn. Trường hợp đăng ký dự tuyển vào viên chức trong lĩnh vực hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao nếu được tuyển dụng vào viên chức thì thực hiện ký hợp đồng làm việc xác định thời hạn...

Về thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với chức danh tương đương chuyên viên cao cấp, Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu tham dự thi hoặc xét thăng hạng.

Về thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với chức danh tương đương chuyên viên chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu tham dự thi hoặc xét thăng hạng.

Còn đối với việc thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với chức danh tương đương cán sự, chuyên viên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức hoặc phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị tổ chức theo quy định của pháp luật.

Cơ quan có thẩm quyền của Đảng quy định việc phân công, phân cấp tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam và của các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

Theo dự thảo Nghị định, Bộ Nội vụ được giao ban hành Quy chế, Nội quy tổ chức kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành và các cơ quan liên quan xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi, đáp án của môn kiến thức chung viên chức để cung cấp cho các cơ quan quản lý viên chức sử dụng trong các kỳ thi thăng hạng viên chức.

Đồng thời, dự thảo Nghị định quy định chi tiết việc bổ nhiệm viên chức quản lý, thời gian giữ chức vụ bổ nhiệm. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, trách nhiệm trong công tác bổ nhiệm viên chức quản lý, thẩm quyền bổ nhiệm và trình tự, thủ tục bổ nhiệm viên chức quản lý, hồ

sơ bỏ nhiệm và các nội dung liên quan đến bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức quản lý...

Anh Cao, Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: VẬN HÀNH CÔNG THÔNG TIN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA; CHẤM CHỈNH THỰC HIỆN KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH

*** Vận hành công thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Trung tâm hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội (Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội) vừa đưa vào vận hành Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa chỉ hotrodoanhnghiep.hanoi.gov.vn.

Theo chia sẻ của Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội Lê Văn Quân: “Được xây dựng và đưa vào vận hành nhằm triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội là một địa chỉ để các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tìm kiếm thông tin hữu ích cho hoạt động kinh doanh cũng như kết nối hợp tác, quảng bá miễn phí các sản phẩm tới khách hàng, đối tác”.

Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội cũng hướng tới trở thành nơi tổng hợp thông tin về các chương trình chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Chính phủ cũng như thành phố Hà Nội để hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố.

Đây cũng sẽ nơi tổng hợp tiếp nhận các nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội về các vấn đề cần tháo gỡ liên quan đến các hoạt động của doanh nghiệp; nơi chia sẻ các nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp như chuyên gia, tín dụng từ các nhà đầu tư, quỹ, kết nối thị trường trong và ngoài nước; đồng thời, là địa chỉ trực tuyến để chia sẻ các tài liệu kiến thức, kinh nghiệm, mô hình quản trị doanh nghiệp tiêu biểu làm bài học cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham khảo, kết nối chia sẻ lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp Thủ đô.

Tất cả cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp có nhu cầu tiếp cận, kết nối thông tin các chính sách chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP. Hà Nội đều có thể đăng ký tham gia để trở thành thành viên của Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội.

“Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp muốn tham gia và trở thành thành viên sẽ được Trung tâm kiểm tra thông tin hồ sơ đăng ký. Cổng có chính sách thành viên với mục đích kết nối dữ liệu phục vụ mục tiêu kết nối thị trường, xác nhận thông tin doanh nghiệp thụ hưởng các chính sách”, ông Quân cho biết thêm.

Hiện, TP. Hà Nội đang triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển. Theo đó, TP. Hà Nội đã đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực như đăng ký doanh nghiệp, giấy phép kinh doanh, thuế, hải quan, đất đai, xây dựng..., tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng...

* **Chấn chỉnh thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính**

Ngày 02/03/2020, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành có Văn bản số 666/UBND-NC yêu cầu Giám đốc các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chấn chỉnh thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Theo đó, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội yêu cầu thủ trưởng các đơn vị tiếp, tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm Chi thị số 20/CT-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong việc để xảy ra tình trạng không có cán bộ trực tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị; không có cán bộ trực tiếp dân theo quy định; vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chỉ đạo, kiểm tra, rà soát việc cập nhật, niêm yết công khai thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, sau khi được cấp có thẩm quyền công bố; chỉ đạo kiểm tra việc giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó, tập trung các lĩnh vực đô thị, tài nguyên - môi trường, lao động thương binh và xã hội, tư pháp...

Đối với các vi phạm được nêu tại mục 3 Báo cáo số 01/BC-ĐKT ngày 19/02/2020 của Đoàn kiểm tra công vụ thành phố: yêu cầu Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chỉ đạo kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và có hình thức xử lý theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực Đoàn kiểm tra công vụ thành phố).

Giao Đoàn kiểm tra công vụ thành phố - Sở Nội vụ là cơ quan thường trực, thường xuyên tổ chức kiểm tra công vụ đột xuất, kịp thời phát hiện có hình thức xử lý, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với những vi phạm (nếu có); định kỳ hàng tháng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, trừ trường hợp đột xuất...

Nguồn: enternews.vn/phapluatxahoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: QUẬN THỦ ĐỨC RA MẮT ỨNG DỤNG TRỰC TUYẾN HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN LÀM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Phát biểu tại buổi ra mắt ứng dụng “Thủ Đức trực tuyến” diễn ra ngày 28/02, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức Đặng Nguyễn Thanh Minh thông tin, Ủy ban nhân dân quận triển khai xây dựng ứng dụng “Thủ Đức trực tuyến” từ quý 4/2019.

Ứng dụng “Thủ Đức trực tuyến” sẽ bao quát nhiều nội dung, với 2 nhóm chính: Thứ nhất, nhóm người dân cung cấp thông tin, sẽ ghi nhận các phản ánh về trật tự đô thị, hạ tầng đô thị,

an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, hồ sơ trễ hẹn; đánh giá sự hài lòng của người dân và những thông tin cần thiết trên địa bàn, đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền các cấp....

Thứ hai, nhóm hỗ trợ người dân trong việc lấy số thứ tự thực hiện thủ tục hành chính (tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của quận qua mạng); tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ, tiến độ giải quyết đơn thư, khiếu nại; nộp hồ sơ trực tuyến; tra cứu thông tin quy hoạch, xây dựng và các thủ tục hành chính.

Song song với đó, quận cũng chủ động phối hợp các đơn vị liên quan đề xuất chủ trương thực hiện dự án “Trung tâm giám sát hình ảnh camera quận Thủ Đức” và dự án “Hệ thống cảnh báo thông minh”. Các dự án sẽ đầu tư xây dựng trung tâm giám sát hình ảnh, tích hợp hệ thống camera giám sát an ninh công cộng, hệ thống cảnh báo cháy, nổ và các cảm biến thông minh, sử dụng hệ thống máy học với trí tuệ nhân tạo (AI) có khả năng phân tích, dự báo, cảnh báo tự động nhằm kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, trấn áp các loại tội phạm cũng như xử lý kịp thời các tình huống bất ngờ, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Theo ông Đặng Nguyễn Thanh Minh, “Thủ Đức trực tuyến” là một trong các giải pháp trọng tâm để thực hiện công tác quản lý và cũng là công cụ để người dân giám sát việc thực thi công vụ, tạo môi trường tương tác giữa chính quyền và người dân. Việc này cũng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị hướng tới mục tiêu xây dựng quận Thủ Đức trở thành nơi có chất lượng cuộc sống tốt, văn minh - hiện đại - nghĩa tình...

Nguồn: sggp.org.vn

ĐÀ NẴNG: TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH, NÂNG CAO MỨC ĐỘ HÀI LÒNG, NIỀM TIN CỦA NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Trong nhiều năm liền, TP. Đà Nẵng liên tục dẫn đầu về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index). Hàng loạt các giải pháp được các sở, ngành, địa phương triển khai trong thời gian qua đã đem lại nhiều hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp của chính quyền thành phố. Kết quả đó là minh chứng cụ thể cho nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền thành phố.

Trong công tác cải cách hành chính, chính quyền thành phố đặc biệt quan tâm đến những thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp. Bởi, sự phát triển của doanh nghiệp chính là sự phát triển của thành phố. Do vậy, các sở, ngành đã rà soát, ban hành mới nhiều bộ thủ tục để khắc phục các vấn đề chưa minh bạch, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Các chính sách mới được triển khai kịp thời, giúp rút ngắn thời gian xử lý, giải quyết các thủ tục cho các nhà đầu tư, góp phần công khai minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước. Nhiều doanh nghiệp, nhà đầu tư đánh giá khá cao thành phố trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

Trong đó, có thể kể đến như Quy định thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp tại TP. Đà Nẵng đối với cả dự án trong và ngoài các khu công nghiệp, khu công nghệ cao; Quy định liên thông giữa đăng ký hộ kinh doanh và đăng ký mã số thuế và các thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện được triển khai tại Trung tâm Hành chính và Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố; Quy trình chuẩn bị đầu tư đối với các dự án không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện ngoài các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; Quyết định ủy quyền cho Ban quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp TP. Đà Nẵng thực hiện thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư thực hiện tại các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố,...

Cũng ngay từ những ngày đầu năm, đến thăm bộ phận một cửa tại Trung tâm Hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huỳnh Đức Thọ mong muốn Thành phố cần đặt ra yêu cầu cao hơn để phấn đấu nâng cao chất lượng, cải thiện mức độ hài lòng, niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan nhà nước.

Cụ thể hóa yêu cầu của người đứng đầu chính quyền thành phố, các đơn vị đã đề ra nhiều giải pháp cải cách hành chính, tạo thuận lợi hơn nữa cho người dân, doanh nghiệp. Trong đó, Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp TP. Đà Nẵng (Sở Kế hoạch và Đầu tư) triển khai dịch vụ đăng ký doanh nghiệp tại nhà cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký thành lập mới, thay đổi, tạm ngừng, giải thể doanh nghiệp tại TP. Đà Nẵng.

Trước đó, Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thí điểm sử dụng Máy cấp phát giấy tờ tự động (Máy KIOSK) để trả kết quả giải quyết một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền xử lý của Sở. Máy KIOSK trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với 05 thủ tục và triển khai thí điểm sử dụng Máy KIOSK từ ngày 01/02 đến 30/4/2020. Trong đó có 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Thông tin - Báo chí - Xuất bản và 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Viễn thông.

Gồm các thủ tục: Giấy phép hoạt động in; Giấy chấp thuận hợp báo; Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; Giấy xác nhận thỏa thuận vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng viễn thông thân thiện môi trường; Giấy phép xây dựng trạm thu phát sóng viễn thông có cột ăng-ten công kênh...

Nguồn: danang.gov.vn

HÀ GIANG: CÔNG BỐ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019

Ngày 27/02/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định số 266/QĐ-UBND phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Trong 20 sở, ban, ngành của tỉnh có 12 đơn vị xếp loại Khá, 07 đơn vị xếp loại Trung bình và 01 đơn vị xếp loại Yếu. Ba vị trí đứng đầu lần lượt là Sở Tài chính với tổng điểm

78,28, tiếp đến Sở Tư pháp đạt tổng điểm 75,88 điểm và Sở Ngoại vụ đạt tổng điểm 74,92. Đứng hạng cuối cùng là Ban Quản lý khu kinh tế chỉ đạt tổng điểm 42,43.

Trong 11 huyện, thành phố của tỉnh có 02 đơn vị xếp loại Tốt, 08 đơn vị xếp loại Khá và 01 đơn vị xếp loại Trung bình. Hai vị trí đứng đầu thuộc về huyện Bắc Quang với tổng điểm 83,21, tiếp đến huyện Bắc Mê đạt tổng điểm 82,90, xếp cuối cùng là huyện Yên Minh chỉ đạt tổng điểm 58,50.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng báo cáo phân tích kết quả trên từng lĩnh vực và kế hoạch khắc phục những điểm còn hạn chế, góp phần hoàn thành mục tiêu cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trong thời gian tới./.

Minh Nguyễn, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

THANH HÓA: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN NĂM 2019

Nhìn chung, Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Thanh Hóa đã phản ánh rõ sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu đơn vị. Các đơn vị đã thực hiện tốt công tác cải cách hành chính theo yêu cầu nhiệm vụ và chủ trương cải cách hành chính của Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh.

Điểm trung bình của 20 sở, ban, ngành đạt 88,95% (điểm tối đa 100), trong đó có 10 đơn vị xếp loại xuất sắc đạt điểm từ 90% với vị trí dẫn đầu là Sở Tài chính, tiếp đến là Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; 09 đơn vị xếp loại tốt đạt điểm từ 82,25% gồm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Ngoại vụ, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp loại khá với số điểm 73,5%.

Đối với cấp huyện, qua phân tích kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 và chỉ số tổng hợp tại các chỉ số theo lĩnh vực đạt được cho thấy giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính đạt 87,71% (tăng 9,11% so với năm 2016), trong đó có 9/27 huyện được xếp loại xuất sắc với số điểm trên 90% (cao hơn so với năm 2018), với vị trí dẫn đầu thuộc về TP. Thanh Hóa (91,25%), tiếp đến là các huyện Đông Sơn, Thọ Xuân (cùng đạt 91%), Hoằng Hóa, Yên Định, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Vĩnh Lộc, Quan Sơn; 18/27 đơn vị còn lại được xếp loại tốt khi đạt chỉ số từ 80% đến dưới 90%, trong đó huyện Mường Lát có chỉ số thấp nhất 81,5%.

Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 phản ánh tương đối khách quan kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện của tỉnh

Thanh Hóa. Đây sẽ là nguồn thông tin quan trọng giúp cấp sở, cấp huyện nhận biết những mặt mạnh để phát huy, mặt yếu để khắc phục, đề ra các giải pháp để cải thiện chỉ số cải cách hành chính trong những năm tiếp theo của mỗi đơn vị nói riêng và của tỉnh Thanh Hóa nói chung./.

Minh Nguyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

QUẢNG TRỊ: KẾT QUẢ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ NĂM 2019

Ngày 28/02/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 544/QĐ-UBND về việc xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã năm 2019.

Trong tổng số 20 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có 04 cơ quan được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ gồm: Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, 16 cơ quan còn lại được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, có 2/10 đơn vị được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà và Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong, 08 đơn vị còn lại được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

Minh Nguyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

QUẢNG NAM: BAN HÀNH KẾ HOẠCH TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Thực hiện Quyết định số 20/QĐ-BCĐCCHC ngày 20/12/2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, ngày 28/02/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch số 989/KH-UBND triển khai tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020.

Kế hoạch nhằm đánh giá toàn diện kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước

giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 27/4/2016 của Tỉnh ủy (khóa XXI) về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Bên cạnh đó, tuyên dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn tỉnh và phân tích cụ thể các tồn tại, hạn chế để đề xuất các giải pháp khắc phục; đồng thời, xác định các nhiệm vụ, mục tiêu cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 phù hợp với thực tế của tỉnh và yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Theo Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng báo cáo tổng kết chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 theo đề cương và phụ lục kèm theo Kế hoạch và gửi báo cáo về Sở Nội vụ trước ngày 20/4/2020; các Sở Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng nội dung Báo cáo chuyên đề theo các lĩnh vực cải cách hành chính được phân công phụ trách, theo dõi và hoàn thành trước ngày 10/5/2020; việc tổ chức Hội nghị tổng kết và xây dựng Báo cáo tổng kết gửi Bộ Nội vụ sẽ phải được hoàn thành trước ngày 20/6/2020.

Để làm tốt công tác tổng kết, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu việc tổng kết, đánh giá phải bảo đảm tính toàn diện, khoa học, thực chất trên tất cả các lĩnh vực cải cách hành chính (có số liệu thống kê chính xác, cụ thể); tập trung làm rõ những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân khắc phục, đề xuất các mục tiêu, giải pháp phù hợp cho giai đoạn 2021 - 2030./.

Hòa Tiên, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam

GIA LAI: NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC PHỤC VỤ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Phương pháp điều tra xã hội học nhằm khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) dưới góc nhìn lý thuyết Quản lý hành chính nhà nước được xem là Phương pháp đánh giá phản hồi 360⁰. Đây là cách thức đánh giá đa chiều, thu thập có hệ thống các thông tin khó đo lường, khó diễn đạt trực tiếp từ các bên liên quan đến đối tượng được đánh giá, những thông tin này được tổng hợp và xử lý để cho ra kết quả đánh giá mong muốn...

Việc điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai được tỉnh triển khai từ năm 2016 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 về ban hành “Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện”. Từ năm 2016 đến hết năm 2019, Sở Nội vụ đã phối hợp

với Bru điện tỉnh điều tra xã hội học 10.410 lượt người dân, tổ chức (trong đó tính riêng số lượng người dân, tổ chức đã giao dịch giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện là 8.824/10.005 lượt người).

Căn cứ vào kết quả điều tra xã hội học, tỉnh đã đánh giá được mức độ hài lòng và chưa hài lòng của người dân, tổ chức đối với từng dịch vụ hành chính công do các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh cung cấp; đánh giá thực chất, khách quan kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính của từng sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đồng thời đánh giá chính xác trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, điều hành đối với công tác cải cách hành chính, từ đó giúp tỉnh đề ra giải pháp nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, việc điều tra xã hội học của tỉnh vẫn còn một số hạn chế như: Thời gian triển khai lâu; việc tiếp xúc đối tượng được điều tra rất khó khăn (đối tượng đi làm ăn xa; đi rầy dài ngày...); công tác tổng hợp phiếu thu công; cơ quan chuyên môn tổng hợp kết quả điều tra vẫn là đối tượng được đánh giá, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính... Xuất phát từ thực tế đó, Phòng Cải cách hành chính của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai đang nghiên cứu áp dụng giải pháp điều tra xã hội học mới, đó là việc ứng dụng công cụ Google Form vào việc điều tra xã hội học của tỉnh. Google Form là một công cụ tạo và quản lý biểu mẫu khảo sát cực kỳ hữu ích được phát triển bởi Google, lợi ích của công cụ này mang lại là việc cung cấp nhiều tính năng trực tuyến để người dùng thực hiện thống kê các số liệu một cách nhanh chóng; thông tin trả lời sau khi đối tượng được điều tra trả lời xong và bấm nút gửi đi sẽ không thể chỉnh sửa do đó hạn chế được tối đa việc tác động của các cơ quan thu thập phiếu, cơ quan chuyên môn tổng hợp phiếu, từ đó tính khách quan của kết quả điều tra được đảm bảo và một số lợi ích khác.... Để thực hiện được điều này, yêu cầu đặt ra là người dân, tổ chức được điều tra xã hội học phải am hiểu công nghệ thông tin; sử dụng thành thạo máy tính; có thiết bị điện tử thông minh (điện thoại cảm ứng, máy tính bảng, máy tính bàn...) nên khó áp dụng với đối tượng là người dân ít tiếp xúc với công nghệ thông tin, mặc khác để thực hiện được việc này cũng đòi hỏi nhân viên Bru điện tỉnh phải am hiểu nghiệp vụ để có thể hướng dẫn người dân, tổ chức thực hiện. Việc kiểm soát kết quả phát, thu phiếu với Bru điện tỉnh vẫn đảm bảo qua việc phúc tra của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Hội Cựu chiến binh tỉnh do đó kết quả điều tra xã hội học của tỉnh sẽ hoàn toàn minh bạch, nhanh chóng...

Phòng Cải cách hành chính hiện đang tiến hành thử nghiệm với quy mô nhỏ gồm nhóm công chức thực hiện cải cách hành chính của Sở Nội vụ và công chức ở Phòng Nội vụ các huyện, thị xã, thành phố. Phản hồi của các đối tượng được tham gia thử nghiệm rất tích cực. Đây là một dấu hiệu tốt để Sở Nội vụ tiếp tục nghiên cứu. Sau khi hoàn chỉnh, Sở Nội vụ sẽ đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai quy mô toàn tỉnh./.

Thu Hiền, Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai

BÌNH THUẬN: KẾ HOẠCH TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Thực hiện Quyết định số 20/QĐ-BCĐCCHC ngày 20/12/2019 của Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Để đánh giá toàn diện tình hình triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo tinh thần Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ và Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Bình Thuận, ngày 03/3/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Kế hoạch số 738/QĐ-UBND về Tổng kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Bình Thuận.

Kế hoạch yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát đánh giá đầy đủ, toàn diện kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu công tác CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, những kết quả nổi bật và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó, đề xuất các định hướng, giải pháp, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ và của tỉnh.

Kế hoạch giao Sở Nội vụ chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện, đồng thời gắn việc tổng kết với công tác thi đua - khen thưởng, đề xuất khen thưởng cho những tập thể, cá nhân có thành tích nổi trội, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020./.

Anh Chiến, Sở Nội vụ tỉnh Bình Thuận

BÌNH ĐỊNH: THÍ ĐIỂM THỰC HIỆN ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Chiều ngày 02/3, Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Bình Định đã tổ chức họp về việc triển khai thí điểm đô thị thông minh của tỉnh.

Tại cuộc họp, đại diện Công ty Cổ phần FPT đã trình bày kế hoạch triển khai thí điểm đô thị thông minh tại TP. Quy Nhơn, với 8 dịch vụ: hệ thống giám sát dịch vụ công, hệ thống thông tin kinh tế - xã hội, giám sát thông tin trên môi trường mạng, giám sát an toàn thông tin,

giám sát điều hành giao thông, tổng hợp giám sát điều hành, phản ánh hiện trường, an ninh trật tự của đô thị.

Tổng kinh phí thực hiện thí điểm đô thị thông minh tại TP. Quy Nhơn là 55 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách địa phương 15 tỷ đồng và 40 tỷ đồng từ nguồn xã hội hóa.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Hồ Quốc Dũng cho rằng, triển khai thí điểm đô thị thông minh là hoạt động có ý nghĩa lớn, phải quyết tâm làm cho được. Mục tiêu đặt ra là đầu tháng 10/2020 sẽ khánh thành đi vào hoạt động.

Người đứng đầu chính quyền tỉnh yêu cầu các sở, ngành bắt tay vào cuộc ngay. Theo đó, Sở Thông tin và Truyền thông tính toán về việc thành lập Trung tâm Điều hành đô thị thông minh, đề xuất cụ thể để Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính cấp ngân sách thực hiện. Sở Nội vụ cân đối biên chế cho Trung tâm Công nghệ thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện nhiệm vụ này.

Nguồn: baophapluat.vn

ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CƠ CHẾ ĐIỀU TIẾT, CƠ CHẾ PHÂN PHỐI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Thành tựu

Qua hơn 30 năm xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từ Đại hội VI (năm 1986) đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã chuyển đổi thành công từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đồng thời hình thành được hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thể chế kinh tế, đặc biệt là hệ thống luật pháp và bộ máy quản lý ngày càng được xây dựng, hoàn thiện theo hướng tiên bộ, phù hợp. Hội nhập quốc tế được triển khai sâu rộng và hiệu quả. Dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được thể chế hóa thành pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế vận hành có hiệu quả. Trong 30 năm đổi mới, đã ba lần sửa đổi và ban hành Hiến pháp, sửa đổi và ban hành trên 150 bộ luật và luật, trên 70 pháp lệnh. Gần đây nhất, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 2013 và hàng loạt bộ luật để thể chế hóa Hiến pháp năm 2013 cơ bản đã tạo cơ sở pháp lý hình thành và thúc đẩy việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là khẳng định nguyên tắc nền kinh tế có chế độ đa sở hữu, đa thành phần, nhiều hình thức phân phối; khẳng định nguyên tắc phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và vận hành thông suốt các loại thị trường; khẳng định nguyên tắc Nhà nước quản lý nền kinh tế theo các nguyên tắc của cơ chế thị trường; khẳng định nguyên tắc đảm bảo thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; khẳng định nguyên tắc mở cửa, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

Ba mươi năm đổi mới kinh tế cũng đã chứng kiến vai trò tích cực của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân, tự do kinh doanh và cạnh tranh theo quy định của pháp luật. Kinh tế nhà nước dần phát huy tốt hơn vai trò chủ đạo; hệ thống doanh nghiệp nhà nước từng bước được cơ cấu lại, cổ phần hóa theo Luật Doanh nghiệp và đang giảm mạnh về số lượng. Kinh tế tập thể bước đầu được đổi mới, các hình thức hợp tác kiểu mới được hình thành phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Kinh tế tư nhân tăng nhanh về số lượng, từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh, giải quyết việc làm, đóng góp ngày càng lớn vào GDP. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI)

đã có những đóng góp quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm và xuất khẩu.

Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp không ngừng phát triển và ngày càng phát huy vai trò quan trọng của mình trong nền kinh tế. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đang tích cực được hoàn thiện, bộ máy quản lý nhà nước đã và đang được điều chỉnh theo hướng tinh giản, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế cũng được nhận thức lại đúng đắn hơn, đổi mới cả trong nhận thức và thực hiện phù hợp hơn với cơ chế thị trường.

Qua hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã dần hình thành đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, vận hành cơ bản thông suốt, gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế. Thị trường hàng hóa, dịch vụ đã có bước phát triển và hoàn thiện về quy mô, cơ cấu hàng hóa - thị trường trong và ngoài nước, kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ, cơ chế quản lý, Việt Nam đã dần hình thành đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, vận hành cơ bản thông suốt, gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế. Thị trường hàng hóa, dịch vụ đã có bước phát triển và hoàn thiện về quy mô, cơ cấu hàng hóa - thị trường trong và ngoài nước, kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ, cơ chế quản lý, mức độ cạnh tranh. Quy mô thị trường trong nước liên tục tăng. Tính chung từ năm 2006 đến nay, tốc độ tăng trưởng bình quân của thương mại bán lẻ luôn cao từ 1,5 - 2 lần so với tốc độ tăng trưởng bình quân của GDP cùng kỳ. Thị trường tài chính, tiền tệ phát triển khá mạnh và sôi động. Bên cạnh kênh huy động vốn từ ngân hàng, thị trường chứng khoán đã bước đầu hình thành, góp phần đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư. Đồng thời, hoạt động của thị trường bảo hiểm đã đóng góp tích cực vào việc ổn định sản xuất và đời sống dân cư, huy động vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tỷ giá đồng tiền, giá ngoại tệ, giá vàng cơ bản giữ được ổn định. Thị trường bất động sản đã có bước phát triển nhất định, nhiều dự án khu nhà ở, khu đô thị mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tương đối đồng bộ đã được hình thành, góp phần đô thị hóa và dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thị trường lao động đã được hình thành trên phạm vi cả nước. Thị trường khoa học - công nghệ đang hình thành và phát triển, số lượng và giá trị giao dịch công nghệ có bước tiến đáng kể trong những năm gần đây. Thị trường một số loại dịch vụ công cơ bản, nhất là về y tế, giáo dục có bước phát triển mới, huy động được các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia.

Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu với 90% dân số làm nông nghiệp, Việt Nam đã xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đáp ứng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo ra môi trường thu hút nguồn lực xã hội cho phát triển. So với thời kỳ trước đổi mới, diện mạo đất nước có nhiều thay đổi, kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên (đạt ngưỡng thu nhập trung bình), đời sống Nhân dân từng bước được cải thiện; đồng thời, tạo ra nhu cầu và động lực phát triển cho tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đội ngũ

doanh nghiệp, doanh nhân đã thực sự trở thành lực lượng quan trọng để thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Về tăng trưởng kinh tế, trong suốt hơn 30 năm qua, kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn hẳn thời kỳ trước đổi mới. Sau giai đoạn đầu đổi mới (1986 - 1990) với mức tăng trưởng GDP bình quân hàng năm chỉ đạt 4,4%, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua gần 20 năm với mức tăng trưởng rất ấn tượng: Giai đoạn 1991 - 1995, GDP bình quân tăng 8,2%/năm gấp đôi so với 5 năm trước đó; giai đoạn 5 năm tiếp theo 1996 - 2000, mặc dù cùng chịu tác động của khủng hoảng tài chính khu vực (1997 - 1999), GDP vẫn duy trì bình quân tăng 7,6%/năm; giai đoạn 2001 - 2005, GDP tăng bình quân 7,34%; giai đoạn 2006 - 2010, do suy giảm kinh tế thế giới, Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 6,32%/năm. Trong các năm tiếp theo, do chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 và khủng hoảng nợ công 2010, tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2011 - 2015 của Việt Nam tuy đã chậm lại nhưng vẫn đạt 5,9%/năm, là mức cao của khu vực và thế giới. Quy mô nền kinh tế tăng nhanh. Giai đoạn 3 năm 2016 - 2018, GDP bình quân tăng 6,57% (chỉ tiêu kế hoạch 5 năm là 6,5 - 7%).

Những nỗ lực đổi mới trong 30 năm qua đã giúp cho môi trường đầu tư liên tục được cải thiện, nhờ đó đã thu hút ngày càng nhiều hơn vốn đầu tư cho phát triển. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 3 năm 2016 - 2018 ước đạt 33,5% (mục tiêu 5 năm 32 - 34%). Tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước giảm; tỷ trọng đầu tư ngoài nhà nước tăng, trong đó đầu tư tư nhân ước đạt 42,4%, bình quân 3 năm 2016 - 2018 đạt 40,8%, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (38,3%). Vốn FDI thực hiện ước cả năm đạt 18 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay. Đã tổng kết 30 năm thu hút đầu tư nước ngoài, đề ra các giải pháp mới, thu hút chọn lọc hơn, ưu tiên các lĩnh vực chế biến, chế tạo, sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư tăng; chỉ số ICOR giai đoạn 2016 - 2018 ở mức 6,32, thấp hơn giai đoạn 2011 - 2015 (6,91).

Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; thực hiện chủ trương cắt giảm tối thiểu 50% thủ tục hành chính, trong đó đã cắt giảm, đơn giản hóa 61% điều kiện kinh doanh và 60% thủ tục kiểm tra chuyên ngành hàng hóa xuất nhập khẩu. Rà soát, giảm chi phí kinh doanh, nhất là chi phí vốn, phí BOT, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính gắn với triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; Việt Nam được đánh giá thuộc nhóm 10 quốc gia cam kết mạnh mẽ nhất về cải cách chính sách thuế. Cả năm có khoảng 130 nghìn doanh nghiệp đăng ký mới. Số lượng hợp tác xã thành lập mới tăng nhanh; doanh thu và thu nhập của người lao động được cải thiện, góp phần giảm nghèo, giữ vững ổn định xã hội.

Thay vì trực tiếp can thiệp vào nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính, nhà nước đã tiến hành xây dựng khung chỉ tiêu giám sát, đánh giá và đề ra định hướng cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Ban hành và triển khai thực hiện hiệu quả. Đề án cơ cấu lại đầu tư công, giảm tình trạng đầu tư dàn trải, nợ đọng xây dựng cơ bản, ưu tiên bố trí vốn cho các công trình trọng điểm, cấp bách; rà soát, xử lý những vướng mắc trong đầu tư công, đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Quyết liệt thực hiện các giải pháp cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo Nghị quyết của Quốc hội và Luật Các tổ chức

tín dụng; Tập trung khắc phục hạn chế, bất cập; xử lý nghiêm các sai phạm, thu hồi tài sản Nhà nước. Thành lập, đưa vào hoạt động Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Cơ cấu kinh tế của Việt Nam đã bước đầu chuyển dịch theo hướng hiện đại. Cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm khu vực nông nghiệp, tăng khu vực dịch vụ và công nghiệp. Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu. Tỷ trọng khu vực nông nghiệp giảm mạnh từ 17,4% năm 2015 xuống 14,8% năm 2018; tỷ trọng các khu vực công nghiệp, dịch vụ tăng từ 82,6% lên 85,2%, vượt mục tiêu đề ra vào năm 2020 là 85%. Xuất khẩu chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng sản phẩm công nghiệp và giảm dần tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp, giảm dần sản phẩm nguyên liệu thô. Đã hình thành các vùng kinh tế trọng điểm để làm động lực cho phát triển kinh tế vùng, miền và cả nước. Phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung nhằm thu hút vốn đầu tư phát triển, đồng thời hình thành các vùng chuyên môn hoá cây trồng, vật nuôi gắn với chế biến công nghiệp.

Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tiếp tục được nâng lên. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) giai đoạn 2016 - 2018 ước đạt 42,18%, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (33,58%) và vượt mục tiêu kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 (30 - 35%). Năng suất lao động bình quân 3 năm 2016 - 2018 tăng 5,62%, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (4,35%) và vượt mục tiêu kế hoạch 2016 - 2020 (5%). Với xu hướng tốt như hiện nay, tăng trưởng GDP giai đoạn 2016 - 2020 có thể sẽ đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là 6,5 - 7%, cao hơn bình quân giai đoạn 2011 - 2015 (5,91%). Quy mô nền kinh tế tăng mạnh, năm 2018 ước đạt trên 5,5 triệu tỷ đồng (khoảng 240,5 tỷ USD), gấp trên 1,3 lần năm 2015. GDP bình quân đầu người ước đạt 2.540 USD, tăng 440 USD so với năm 2015. Nhiều tổ chức quốc tế đánh giá Việt Nam có triển vọng tốt, là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực và thế giới.

Việc tăng trưởng kinh tế luôn đi đôi với bảo đảm tiên bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm; từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu - nghèo đã đi đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo.

An sinh xã hội cơ bản được đảm bảo; hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội phát triển khá đồng bộ, đặc biệt là trong vấn đề giảm nghèo, giải quyết việc làm, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, chính sách ưu đãi người có công với nước, trợ giúp xã hội, chính sách bảo hiểm y tế toàn dân tạo điều kiện để người dân được hưởng thụ nhiều hơn về văn hóa, y tế và giáo dục. Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn, Việt Nam đã tăng thêm ngân sách và huy động nguồn lực để thực hiện các chính sách xã hội; đồng thời, hoàn thành trước thời hạn nhiều Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc.

Cho đến nay, đã có khoảng 70 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam. Việt Nam đã ký kết 10 Hiệp định thương mại tự do khu vực và song phương (gồm sáu FTA ký kết với tư cách là thành viên ASEAN; bốn FTA đàm phán với tư cách là một bên độc lập); vừa hoàn tất đàm phán hai FTA

(Liên minh châu Âu và TPP); đang tích cực đàm phán ba FTA khác (ASEAN - Hong Kong; EFTA; RCEP). Việc tham gia ký kết và đàm phán tham gia các FTA có tác động tích cực tới phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm, nhất là đến nay Việt Nam đã tham gia vào ba chuỗi giá trị có vai trò ngày càng quan trọng đối với nền kinh tế toàn cầu đó là chuỗi giá trị lương thực và an ninh lương thực; chuỗi giá trị năng lượng và an ninh năng lượng (dầu mỏ, khí, than) và chuỗi giá trị hàng dệt may và da giày.

Một cách khái quát, qua hơn 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng về hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tư tưởng, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó có việc xác định vai trò của nhà nước trong điều hành nền kinh tế đã được thể chế hóa thành pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế vận hành có hiệu quả.

2. Hạn chế

Những nỗ lực không ngừng của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong hơn 30 năm qua đã làm thay đổi bộ mặt quốc gia; đất nước ta đã trở thành nước có thu nhập trung bình, và đang phấn đấu thành nước có thu nhập trung bình cao đến 2030. Tuy nhiên, thực tế, tình trạng nhà nước làm thay thị trường, thu hẹp vai trò của cơ chế thị trường và chưa thực hiện tốt chức năng khắc phục những khiếm khuyết của cơ chế thị trường vẫn còn ở nhiều lĩnh vực: trong phân bổ nguồn lực; điều tiết lưu thông hàng hóa; xác định giá cả; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp..., làm méo mó cơ chế thị trường (hiện nay, các thị trường đất đai, tài nguyên thiên nhiên, vốn, lao động ở nước ta đều bị “méo mó”). Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, khóa XII “về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” đã phải nhấn mạnh yêu cầu xác định rõ “vai trò, chức năng, mối quan hệ của nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với cơ chế thị trường”. Những hạn chế này thể hiện ở một số điểm nổi bật sau:

Một là, trong hơn 30 năm qua vai trò, chức năng quản lý, điều tiết của Nhà nước chưa thực sự được đổi mới căn bản theo mô hình kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi mô hình nền kinh tế đồng thời thực hiện vai trò “kép”: Một mặt, thực hiện chức năng vai trò quản lý toàn bộ nền kinh tế; mặt khác, đóng vai trò người chủ sở hữu các doanh nghiệp nhà nước và đại diện cho toàn dân làm chủ sở hữu đất đai. Ở góc độ thứ nhất, Nhà nước phải thực hiện đầy đủ vai trò của “người nhạc trưởng”, tạo môi trường bình đẳng cho sự phát triển các thành phần kinh tế nhằm huy động và phân bổ các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Theo đó, Nhà nước khi thực hiện chức năng của mình, phải thể hiện vai trò của “Nhà nước kiến tạo, phát triển”. Nhưng ở góc độ thứ hai, Nhà nước thường quan tâm đến mở rộng phạm vi và quy mô sở hữu của mình, phát triển các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn, bằng các biện pháp hành chính.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quan hệ giữa Nhà nước với các chủ thể sử dụng sở hữu nhà nước phải được thể hiện ở hai góc độ: quyền sở hữu pháp lý (danh nghĩa) và quyền sử dụng thực tế. Ở góc độ quyền sở hữu pháp lý, Nhà nước có quyền nhân thân và quyền tài sản đối với các đối tượng sở hữu của mình. Ở góc độ quyền sử

dụng thực tế, Nhà nước phải xây dựng và phát triển những tổ chức quản lý có hiệu quả tài sản và vốn của Nhà nước giao phó. Tuy nhiên, các quy định về quyền sở hữu và quyền quản lý đối với các doanh nghiệp nhà nước nói riêng và khu vực kinh tế nhà nước nói chung chưa đạt được sự thống nhất, tạo ra khoảng trống trong quản lý, kiểm soát và phân phối tại khu vực kinh tế này. Trong hơn 30 năm thực hiện quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước theo cơ chế thị trường, khu vực kinh tế nhà nước vẫn bộc lộ hạn chế, bất cập, tập trung vào các vấn đề như: việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản; phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước; cơ chế giám sát, công khai, minh bạch hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chưa tốt; khu vực sự nghiệp công chiếm quy mô lớn, chưa vận hành theo kinh tế thị trường, còn bao cấp lớn từ nhà nước; nguồn lực nhà nước nắm giữ, phân bổ, đầu tư chưa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường; việc huy động các nguồn lực đầu tư cho dịch vụ công, phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ công vẫn còn một số bất cập.

Việc sử dụng các công cụ điều tiết nền kinh tế của nhà nước còn bất cập, công cụ pháp luật chưa ổn định, nhà nước chưa thật sự trở thành “trọng tài” cho các chủ thể kinh tế; chính sách tài khóa, tiền tệ, tỷ giá phối hợp thiếu linh hoạt; thiếu tính độc lập tương đối của Ngân hàng Nhà nước với hệ thống hành chính; hiệu quả của phối hợp chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa thời gian vừa qua còn bộc lộ những hạn chế và đối mặt với một số thách thức; việc cung cấp thông tin và trách nhiệm giải trình của các cơ quan hoạch định và thực thi chính sách chưa được thiết lập một cách chính thức; lực lượng vật chất của nhà nước can thiệp vào thị trường còn phân tán, lãng phí, vừa chưa theo quy hoạch, kế hoạch, vừa chưa theo quy luật của thị trường; quy hoạch, kế hoạch của nhà nước chưa bảo đảm cho đầu tư nhà nước và tư nhân hiệu quả, thống nhất được lợi ích nhà đầu tư và lợi ích nhà nước, giữa mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, giữa phát triển đất nước, vùng và địa phương; hệ thống dịch vụ công chưa phân tách các trách nhiệm tổ chức cung ứng, chi trả phí và quản lý để tiến hành đổi mới hiệu quả, mở rộng cơ hội cho tư nhân tham gia.

Chưa giải quyết được triệt để vấn đề cạnh tranh bình đẳng, chống độc quyền và phát triển kinh tế tư nhân. Nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là điểm đáng ghi nhận trong thời gian qua. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại khoảng cách giữa chính sách và thực thi, các doanh nghiệp vẫn còn gặp không ít khó khăn, vướng mắc trong các thủ tục hành chính, đầu tư kinh doanh gây phiền hà, tốn thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Nhà nước dường như chưa thật sự tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa khu vực công và khu vực tư, giữa các tổ chức kinh tế trong khu vực tư, trong tiếp cận các nguồn lực công; chưa giải phóng triệt để tiềm lực, thế mạnh của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế, thiếu các doanh nghiệp tư nhân đủ mạnh để vươn ra hội nhập quốc tế.

Nhìn một cách tổng thể, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm: Nhà nước còn can thiệp trực tiếp, quá lớn trong nền kinh tế. Vẫn còn tình trạng bao cấp, xin - cho trong xây dựng và thực hiện một số cơ chế, chính sách. Nhà nước can thiệp quá sâu vào hoạt động, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhưng lại không chịu trách nhiệm về vật chất đối với các quyết định của mình. Quan hệ hàng hóa, tiền tệ bị coi nhẹ, do

đó, trong nhiều trường hợp, đáng lý là quan hệ cung cầu, thì quyền lực và sự duy ý chí lại đi trước dẫn dắt thị trường. Nhà nước dường như chưa đặt doanh nghiệp nhà nước với tư cách là nhà đầu tư bình đẳng trên thị trường; nguồn lực nhà nước đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch chưa hoàn toàn tôn trọng quy luật thị trường, bị lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm chi phối, dẫn tới hiệu quả thấp.

Hai là, mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội vẫn còn không ít vấn đề đặt ra, cản trở sự phát triển.

Tổng kết 30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam đã chỉ rõ hạn chế của mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường là: “Chưa làm sáng tỏ vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường do chưa phân định rõ chức năng Nhà nước - thị trường. Nhà nước vẫn bao biện nhiều chức năng mà thị trường đảm nhiệm hiệu quả hơn (phân bổ vốn; quản trị doanh nghiệp) trong khi chưa chú ý đúng mức đến những chức năng mà Nhà nước phải hoàn thành (xây dựng và thực thi khung khổ quản lý nhà nước “khung khổ hành chính - pháp lý”, cung cấp hàng hóa và dịch vụ công, hỗ trợ phát triển,...)”(8). Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, Nhà nước đã can thiệp vào vai trò, chức năng của các chủ thể khác. Điển hình như, trong lĩnh vực quản lý kinh tế vĩ mô, vai trò quan trọng nhất của Nhà nước là định hướng mục tiêu phát triển, dự báo tình hình biến động của thị trường; kiểm soát độc quyền; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh..., nhưng Nhà nước không tập trung đúng mức, mà lại can thiệp vào vấn đề giá cả, tiền lương... đây là chức năng của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, vẫn còn duy trì chính sách bao cấp, cơ chế “xin - cho” của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp; vẫn duy trì những doanh nghiệp nhà nước độc quyền trong nhiều lĩnh vực kinh doanh cần chuyển sang thị trường cạnh tranh; vẫn tồn tại cung cách quản lý bao cấp, quan liêu, vẫn sử dụng nhiều chính sách trợ cấp, trợ giá theo kiểu cũ, không khuyến khích được tinh thần tự lập, tự cường của đối tượng được trợ cấp. Việc chậm thay đổi thói quen can thiệp của Nhà nước vào thị trường bằng các biện pháp hành chính, thay vì sử dụng các công cụ can thiệp gián tiếp để điều tiết thị trường cũng là một nguyên nhân khiến Nhà nước vận hành thị trường thiếu hiệu quả.

Trong thực tế, vai trò của các tổ chức xã hội tham gia cung cấp dịch vụ và thực hiện giám sát nhà nước và doanh nghiệp cũng chưa được nhận thức đầy đủ, chưa được xác định rõ. Các hiệp hội, tổ chức đại diện cho khu vực tư vẫn mang nặng tính hình thức, chưa thực sự có tiếng nói nhất định trong các tổ chức đại diện quyền lực của Nhà nước. Trong khi đó, doanh nghiệp nhà nước vẫn được “ưu ái” về mọi phương diện, chiếm nguồn lực lớn nhưng lại sử dụng không hiệu quả, nhiều dự án thất thoát, làm ăn thua lỗ gây bức xúc dư luận. Điều này do nhận thức về vai trò của hội đối với phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện mới chưa chuyển kịp với đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống và xu thế thời đại. Mặt khác, thể chế về hội chưa thực sự được quan tâm ưu tiên, nghiên cứu để xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Không ít cơ quan nhà nước còn có tư tưởng bản khoãn, e ngại, thiếu niềm tin vào các hội nên chậm hoàn chỉnh thể chế để phát huy sự tham gia của các hội với đời sống chính trị - xã hội. Theo đó, cần đổi mới hơn nữa nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức về vai trò, trách nhiệm của nhà nước đối với các tổ chức xã hội.

Nguyên nhân của những hạn chế

Nguyên nhân thứ nhất, thuộc về tư duy, quan điểm và chủ trương chính sách. Với cách tiếp cận nền kinh tế theo thành phần, nhấn mạnh và khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Kinh tế nhà nước là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước điều tiết và định hướng nền kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

Do, chưa có định nghĩa một cách khách quan và khoa học, nên trên thực tế, “kinh tế nhà nước” thường được liệt kê thành các bộ phận bao gồm doanh nghiệp nhà nước và các nguồn lực khác do Nhà nước sở hữu (Ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên, dự trữ quốc gia) và cả sự tác động của chính sách, khả năng sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, v.v... Theo định nghĩa nói trên, thì kinh tế nhà nước ở nước ta xét về hình thức không khác gì so với kinh tế nhà nước ở tất cả các quốc gia khác trên thế giới. Tuy nhiên, “vai trò chủ đạo” trong nhiều trường hợp bị lạm dụng, bị hiểu sai hoặc cố tình hiểu chưa đúng, dẫn đến những hậu quả ngoài mong muốn và khó khắc phục trong quá trình điều hành trên thực tế.

Cũng từ nhận thức nhấn mạnh vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước (một số trường hợp đồng nhất kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo với vai trò của doanh nghiệp nhà nước), kéo theo việc định hình vai trò, chức năng của doanh nghiệp nhà nước và chính sách của nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước. Một trong các thước đo mức độ đóng góp vào vai trò chủ đạo là tỷ trọng chi phối của các tập đoàn, tổng công ty trong các ngành kinh tế quan trọng của đất nước; và để đạt được điều đó, thì chính sách có liên quan của Nhà nước phải hỗ trợ, tạo điều kiện để đạt được mục đích đó, bất chấp các hệ quả phát sinh từ thực trạng nói trên. Tóm lại, những ưu ái, đặc quyền và lợi thế của tập đoàn, tổng công ty nhà nước trước hết bắt nguồn từ dòng tư duy, quan điểm chính thống về kinh tế nhà nước.

Nguyên nhân thứ hai, thuộc về thể chế quản trị quốc gia. Có thể nói, còn rất nhiều vấn đề liên quan đến thể chế quản trị quốc gia ở nước ta cần phải được nghiên cứu, thảo luận và thay đổi. Một số khiếm khuyết về thể chế đang hạn chế hoặc ngăn cản tác động kỷ luật của thị trường cạnh tranh đối với tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Đó là:

(1) Thể chế hiện nay không tách biệt quản lý nhà nước (public administration) với quản trị doanh nghiệp (corporate governance) và quản lý kinh doanh (business management), không tách biệt quản lý nhà nước với các thiết chế điều tiết độc lập đảm bảo cho thị trường vận hành một cách hiệu quả và công bằng (ví dụ: Cục Điều tiết điện lực hay Cục Quản lý cạnh tranh, v.v... không thể là bộ phận của Bộ Công Thương, mà phải là các cơ quan điều tiết độc lập, không phải là cơ quan hành pháp). Thể chế theo kiểu “3 trong 1” như hiện nay là không tương thích với nguyên tắc và thông lệ của hệ thống thể chế hiện đại; lẫn lộn mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, quy trình, kỹ năng và công cụ, v.v..., tạo ra mâu thuẫn, xung đột lợi ích dẫn đến triệt tiêu lẫn nhau ngay trong từng bộ phận và của cả hệ thống thể chế.

(2) Thiếu minh bạch: Các doanh nghiệp nhà nước nói chung và tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước về bản chất là công ty đại chúng, nhưng yêu cầu công khai, minh bạch hóa thông tin lại có kết quả rất hạn chế.

(3) Nguyên nhân thứ ba, xuất phát từ thực tế vận hành của hệ thống thể chế hiện nay; là hệ quả phái sinh tất yếu của hai nguyên nhân nói trên. Mỗi người, mỗi cơ quan nhà nước trong thực thi nhiệm vụ của mình đều dành thuận lợi, ưu tiên hơn cho các doanh nghiệp nhà nước bởi hàng loạt các lý do như: có quan hệ cá nhân gắn kết, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, thông lệ bất thành văn, hay vì lợi ích của cá nhân và của những người khác có liên quan.

3. Giải pháp để đổi mới cơ chế quản lý kinh tế của Nhà nước, cơ chế điều tiết, cơ chế phân phối, quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội

Thứ nhất, cần đổi mới triệt để tư duy, nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng ta cần xây dựng một nền kinh tế thị trường đầy đủ, xóa bỏ hết các yếu tố bao cấp, “xin - cho” để tạo ra thị trường cạnh tranh sôi động. Thể chế kinh tế phải tạo ra một thị trường cạnh tranh, môi trường kinh doanh, đầu tư thuận lợi, thông thoáng, minh bạch; bảo đảm một môi trường bình đẳng cho mọi loại hình doanh nghiệp; tăng cường tự do, bình đẳng mà giảm thiểu ưu tiên, ưu đãi, xóa bỏ độc quyền để có môi trường kinh doanh, đầu tư tuân thủ đúng quy luật kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta còn phải hướng tới kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế như của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Hai là, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế thông qua các công cụ kinh tế, pháp luật, hành chính. Theo đó, nhà nước cần tập trung vào ổn định kinh tế vĩ mô, tạo dựng một khuôn khổ thể chế và pháp lý hữu hiệu, đủ sức hỗ trợ sự phát triển mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực tư nhân và đẩy mạnh cạnh tranh. Bên cạnh đó, cần từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế. Đây cũng là một hướng quan trọng nhằm tạo dựng kết cấu hạ tầng thể chế kinh tế toàn diện, bao gồm: cải cách tổ chức bộ máy hành chính, thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước. Đồng thời, phải coi kế hoạch hóa là công cụ quan trọng để nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế. Công tác kế hoạch hóa cần đổi mới theo hướng gắn với thị trường. Đổi mới tính chất, nội dung, phương pháp lập kế hoạch để các kế hoạch trở thành công cụ hữu hiệu chống lại sự “mất ổn định” vốn thường xảy ra trong kinh tế thị trường và trở thành công cụ bảo đảm định hướng phát triển dài hạn của đất nước.

Nhà nước cần củng cố thể chế thị trường và năng lực nhà nước trong việc thực thi trách nhiệm điều hành có hiệu quả kinh tế thị trường. Sự phát triển các thị trường nhân tố (thị trường vốn, lao động và đất đai) là các ưu tiên cấp thiết. Cũng cần xây dựng và phát triển các cơ quan quản lý nhà nước thực sự độc lập trong các lĩnh vực then chốt, bao gồm cạnh tranh, các ngành công nghiệp mạng lưới, tiêu chuẩn giáo dục, tiêu chuẩn y tế và an toàn thực phẩm. Nhà nước cũng cần phát triển các đơn vị tự chủ - có trách nhiệm giải trình với cộng đồng địa phương - nhằm cung cấp dịch vụ công thiết yếu và cơ bản cho các cộng đồng địa phương ở các lĩnh vực không thể thu hút các nhà đầu tư tư nhân.

Cơ quan nhà nước phải có trách nhiệm giải trình đối với các hoạt động quản lý của mình. Tất cả các cơ quan Trung ương nên được yêu cầu phải nộp báo cáo tài chính và hoạt động hàng năm cho Quốc hội và công chúng nhận xét, góp ý. Các báo cáo này nên cung cấp bằng

chúng về việc tuân thủ các điều lệ và tiến độ hướng tới việc đạt được mục tiêu thực hiện. Các tổ chức xã hội dân sự, các phương tiện truyền thông đại chúng và quần chúng đóng vai trò quan trọng trong việc đốc thúc trách nhiệm giải trình của nhà nước. Mặc dù có một số tiến bộ trong những năm gần đây, nhưng cần nỗ lực hơn nữa để thiết lập và thực thi các hướng dẫn rõ ràng về tính minh bạch trong khu vực công, bao gồm cả việc đảm bảo công dân có cơ hội tham gia góp ý và nhận xét cho việc lập kế hoạch, lên ngân sách, thực thi, theo dõi và đánh giá các quá trình ở tất cả các cấp của chính phủ. Điều này đặc biệt quan trọng nhằm khuyến khích sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước trong quá trình lập kế hoạch và giám sát việc cung cấp các dịch vụ công và cơ sở hạ tầng của nhà nước.

Ba là, nhà nước cần từ từ rút lui khỏi các hoạt động kinh doanh thương mại mà có thể được thực hiện hiệu quả và hiệu suất bởi khu vực ngoài nhà nước. Mặc dù trong thời gian gần đây, nhà nước đã giảm mạnh sự can thiệp của mình vào lĩnh vực sản xuất và phân phối hàng hóa, dịch vụ song trên thực tế, sự tham gia của nhà nước vào kinh tế vẫn không chỉ dừng ở những lĩnh vực mà thị trường tỏ ra kém hiệu quả. Thực tế phát triển kinh tế của Việt Nam cho thấy vẫn cần có sự hiện diện của nhà nước trong nền kinh tế để phát huy mọi nguồn lực cho phát triển, để sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, vốn, tài sản thuộc sở hữu nhà nước. Tuy nhiên, để thực thi có hiệu quả chức năng này, nhà nước cần tìm ra những giải pháp thích hợp về kinh tế và xã hội đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước còn kém hiệu quả; thực hiện tốt việc hoạch định các chính sách kinh tế, trong đó cần xác định rõ thứ tự các hướng ưu tiên để tập trung hỗ trợ có hiệu quả về tài chính và các nguồn lực khan hiếm cho một số lĩnh vực kinh tế.

Bốn là, nhà nước cần thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa của việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường. Với nhiệm vụ xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh việc chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường, Việt Nam còn phải thực hiện mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển bền vững. Điều đó có nghĩa là, bên cạnh mục tiêu hiệu quả kinh tế (tốc độ tăng trưởng, GDP/người), các chỉ tiêu khác về mặt xã hội (phát triển văn hóa xã hội, giáo dục, y tế, việc làm, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo môi trường, môi sinh...) cũng cần được chú trọng kết hợp. Mục đích của sự kết hợp này là vừa đảm bảo để các chủ thể thị trường đạt được mục tiêu lợi nhuận cao, vừa tạo ra môi trường chính trị, xã hội ổn định hài hòa, làm nền tảng cho phát triển bền vững kinh tế. Cần làm rõ nhận thức rằng thị trường là điều kiện cần chứ không thể là điều kiện đủ cho một xã hội tự do, thịnh vượng, công bằng và ổn định. Vì thế, nhà nước không thể chỉ hạn chế phạm vi hoạt động của mình trong việc tôn trọng các quy luật và nguyên tắc của kinh tế thị trường mà còn phải có trách nhiệm xây dựng, bảo đảm thực thi có hiệu quả các chính sách cần thiết cho một xã hội phát triển công bằng, dân chủ, văn minh với một môi trường sống trong sạch, lành mạnh.

Như vậy, nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cùng một lúc phải thực hiện nhiều vai trò khác nhau. Bên cạnh vai trò xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo dựng và cải thiện môi trường kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh, can thiệp vào nền kinh tế với mục tiêu sửa chữa những khuyết tật của thị trường, nhà nước còn phải thực hiện cả chức năng phát triển kinh doanh và bảo đảm xã hội cho người

dân. Đây là những nhiệm vụ không dễ dàng, đòi hỏi nỗ lực cao từ phía nhà nước, người dân và các tác nhân khác trong nền kinh tế./.

PGS. TS. Bùi Văn Huyền, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

Nguồn: hdl.vn

KIÊN QUYẾT BÀI TRỪ NHỮNG KẺ THOÁI HÓA, BIẾN CHẤT

Tại lễ kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng (03/02/1930 - 03/02/2020), Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã dẫn lại câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”.

Bởi vậy, người đứng đầu Đảng một lần nữa nhấn mạnh: tất cả đảng viên đều ở cương vị nào, trọng trách nào, không bao giờ được buông lỏng sự tự ý thức, rèn luyện của bản thân. Đặc biệt, kiên quyết chống và bài trừ những kẻ thoái hóa biến chất. Đây là việc làm lớn nhất của Đảng trong giai đoạn hiện nay, nhằm chăm lo giữ vững bản chất cách mạng và tính tiên phong của Đảng.

Trong gần 90 năm xây dựng và phát triển, Đảng đã phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Rất nhiều cá nhân và tập thể cán bộ, đảng viên trung kiên trong chiến đấu, lao động và học tập. Tuy nhiên, thực tế thời gian qua đã có những cán bộ, đảng viên không giữ được mình, không giữ được vai trò tiên phong, gương mẫu. Điều đó đã phần nào làm giảm sút niềm tin của quần chúng Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Với 50 năm tuổi Đảng, Đại tá, Anh hùng lực lượng vũ trang Trần Thành, nguyên cán bộ Bộ Quốc phòng cho rằng, bản thân ông không tiếc những ngày tháng hy sinh xương máu cho Đảng, cho đất nước. Tự hào chứng kiến sự phát triển của đất nước, nhờ sự lãnh đạo tài tình của Đảng đã vượt qua nhiều khó khăn. Tuy nhiên, trước vấn đề của cuộc sống cũng như của xã hội hiện nay, nhìn về tổ chức Đảng của mình, điều ông trăn trở nhất là sự gương mẫu để giữ sự trong sạch của Đảng.

“Kiên quyết chống và bài trừ những kẻ thoái hóa biến chất, đây là việc làm lớn nhất của Đảng, tạo niềm tin cho Nhân dân. Công việc này, như Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng nói: Lò đã nóng thì không kẻ nào có thể cưỡng lại với quy luật phát triển. Việc làm đó đem lại niềm tin lớn nhất, chẳng những trong nước mà trên trường quốc tế. Mong Đảng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc chống tham nhũng, triệt phá những kẻ thoái hóa biến chất, tạo niềm tin trong Nhân dân” - ông Trần Thành cho biết.

PGS. TS. Nguyễn Quốc Bảo, nguyên Trưởng khoa Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho rằng, từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến nay, đã thi hành kỷ luật hơn 90 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý. Đây là bài học cho tất cả đảng viên, đều ở cương vị nào, trọng trách nào, không bao giờ được buông lỏng sự tự ý thức, rèn luyện của bản thân.

Bởi, không phải lúc nào tổ chức cũng ở bên mình, không phải lúc nào tự thân mỗi người có thể nhận ra được khuyết điểm của mình. Một khi đã ý thức, tự tu dưỡng thì chúng ta có bản lĩnh và luôn luôn ý thức được công việc của mình, đã làm đúng hay chưa, có vì dân chưa.

Hay ý thức được việc làm của mình có tổn hại đến lợi ích chung của tập thể không, có tổn hại đến lợi ích của người dân, đến danh dự của Đảng hay không. Do đó, việc tu dưỡng rèn luyện là hết sức quan trọng.

Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI và khoá XII đã khẳng định: phải tiến hành xây dựng, chỉnh đốn Đảng với tinh thần tích cực và kiên quyết, mạnh mẽ, nhằm tạo ra một bước chuyển biến rõ rệt hơn nữa trên các mặt, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, coi đây là vấn đề sống còn của Đảng ta, chế độ ta.

Vì lẽ đó, mỗi cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ vai trò tiên phong, gương mẫu của mình để có những hành động thiết thực nhằm hoàn thành nhiệm vụ, trọng trách mà Đảng và Nhân dân giao phó. Mặt khác, mỗi tổ chức Đảng cần quan tâm hơn nữa đến việc giáo dục, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của người đảng viên cộng sản.

Ông Nguyễn Việt Chức, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cho rằng, nếu không liên tục rèn luyện để suy thoái đạo đức lối sống, làm sai quy định của Nhà nước sẽ làm mất lòng tin của dân, ảnh hưởng uy tín của Đảng, đồng nghĩa với công lao phấn đấu cả đời của cán bộ, đảng viên trở thành vô nghĩa.

“Mỗi đảng viên phải rèn luyện mình, đi đâu gương mẫu. Đảng đi đâu, đâu khó phải lao vào, chỗ nào hy sinh gian khổ phải lao vào. Tất cả các cấp ủy từ địa phương đến Trung ương mà rời khỏi vai trò lãnh đạo của mình hoặc không xứng đáng với vai trò lãnh đạo của mình thì đó là “tự diễn biến” lớn nhất, sâu sắc nhất trong điều kiện hiện nay”- ông Nguyễn Việt Chức nhấn mạnh.

Những lưu ý của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng trong bài phát biểu kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam cho thấy, càng tự hào về Đảng, càng phải chăm lo giữ vững bản chất, tính tiên phong của Đảng, để Đảng ngày càng trong sạch vững mạnh.

Trong đó, công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt và yếu tố con người là quyết định. Cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý phải gương mẫu đi đầu, nói đi đôi với làm. Nêu gương một cách xứng đáng với danh dự, với tư cách là cán bộ, đảng viên của Đảng cầm quyền, trước nhân dân và đất nước./.

Nguồn: vov.vn

CẦN TẠO ĐỘT PHÁ MỚI VỀ CẢI CÁCH ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Khó có nội dung cải cách nào được Chính phủ quan tâm và chỉ đạo sát sao, liên tục như các điều kiện kinh doanh, nhưng nhiều quy định sửa đổi lại mang tính hình thức hơn là thực chất.

Tại Hội thảo “Chất lượng điều kiện kinh doanh: Vấn đề và kiến nghị” diễn ra sáng ngày 27/02 vừa qua, bà Trần Thị Hồng Minh, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung

ương (CIEM) nhấn mạnh, thời gian qua, cải cách quy định về điều kiện kinh doanh nhằm tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thân thiện với doanh nghiệp là mục tiêu ưu tiên của Chính phủ.

Cụ thể, từ năm 2017 - 2019 có tới gần 40 văn bản của Chính phủ chỉ đạo về nội dung cải cách điều kiện kinh doanh. Trong năm 2018, Chính phủ đã ban hành 20 văn bản chỉ đạo liên quan. Năm 2019, điều kiện kinh doanh vẫn là mục tiêu ưu tiên với hơn 10 văn bản chỉ đạo. Điều này cho thấy, sự quan tâm và chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ trong việc cắt giảm điều kiện kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và thị trường.

Theo rà soát của Chính phủ, hiện đã có 29 văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ, ngành về cắt giảm điều kiện kinh doanh, cắt bỏ gần 3.500 điều kiện kinh doanh. Tuy vậy, đây mới chỉ là thành công bước đầu, mới đạt về số lượng chứ chưa đạt về chất lượng.

Vẫn còn quy định có thể áp dụng tùy ý

Bà Nguyễn Minh Thảo, Trưởng ban Ban Môi trường kinh doanh và Năng lực cạnh tranh của CIEM nhận định “có lẽ khó có nội dung cải cách nào được Chính phủ quan tâm và chỉ đạo sát sao, liên tục như vậy”.

Về cơ bản các điều kiện kinh doanh quy định chung chung, thiếu rõ ràng, can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc dễ tạo sự tùy ý trong thực thi đã được cắt bỏ. Nhiều điều kiện kinh doanh trùng lặp được cắt bỏ, một số điều kiện kinh doanh được sửa đổi theo hướng giảm bớt yêu cầu, tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Tuy vậy, theo các rà soát độc lập thì kết quả thực chất cắt giảm điều kiện kinh doanh chỉ đạt khoảng hơn 30% chứ không phải là trên 50% như nhiều báo cáo. Nhiều trường hợp, các Bộ chỉ cắt những quy định trùng lặp; cắt bỏ những điều kiện kinh doanh không có ý nghĩa quản lý, do đó, việc cắt bỏ không thực sự tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; một số quy định được tính là cắt bỏ nhưng thực chất chỉ là các quy định về quy trình, không phải điều kiện kinh doanh; những điều kiện kinh doanh quy định theo pháp luật chuyên ngành không nêu cụ thể mà lại dẫn theo pháp luật chuyên ngành.

“Vẫn còn những điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý, không đạt hiệu quả quản lý và còn nhiều điều kiện kinh doanh thiếu rõ ràng, có thể dẫn tới sự tùy ý của cơ quan quản lý Nhà nước”, bà Nguyễn Minh Thảo nhấn mạnh.

“Với các điều kiện kinh doanh tại Việt Nam thì ngay cả những người thành công bên Mỹ như Bill Gates cũng sẽ không làm được gì trong ngành công nghệ thông tin”, bà Nguyễn Minh Thảo nói. Bà Thảo giải thích: Nếu Bill Gates mà thành lập và điều hành Microsoft ở Việt Nam, thì chắc chắn sẽ không thể được. Đơn giản là vì ông ta không có chứng chỉ, bằng cấp về công nghệ thông tin, không có bằng đại học.

Cũng theo bà Thảo, mặc dù các Bộ báo cáo đã hoàn thành chỉ tiêu cắt giảm điều kiện kinh doanh, nhưng chưa có báo cáo đánh giá nào của các Bộ về hiệu quả và tác động của các điều kiện kinh doanh và thiếu giám sát việc tổ chức thực hiện. Để tạo đột phá mới về cải cách điều kiện kinh doanh, CIEM cho rằng cần phải thay đổi cách thức quản lý nhà nước về điều kiện kinh doanh, chuyển mạnh sang hậu kiểm.

Theo bà Nguyễn Minh Thảo, để việc cải cách điều kiện kinh doanh có sức lan tỏa mạnh và đi vào cuộc sống, thời gian tới cần tạo đột phá mới về cải cách điều kiện kinh doanh; thay đổi cách thức quản lý Nhà nước về điều kiện kinh doanh, chuyển mạnh sang hậu kiểm; doanh nghiệp chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh khi đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu về điều kiện kinh doanh, chỉ cần thông báo mà không cần phải xin phép cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về việc đáp ứng các yêu cầu điều kiện kinh doanh. Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện kiểm tra hậu kiểm trên cơ sở nguyên tắc quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

Xu hướng “đáng lo ngại”

Trưởng ban Ban Pháp chế, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Đậu Anh Tuấn nhận định: “Cải cách điều kiện kinh doanh có thể coi là “thương hiệu” của Chính phủ nhiệm kỳ này. Từ năm 2016, Chính phủ đã bãi bỏ được hàng nghìn điều kiện kinh doanh”.

Cũng như bà Thảo, ông Tuấn nói hiện nay việc cắt giảm điều kiện kinh doanh có thể hoàn thành về mặt số lượng, nhưng chất lượng là vấn đề cần bàn. Năm 2019, theo điều tra của VCCI, doanh nghiệp đánh giá cao hơn sự chuyển động về cắt giảm điều kiện kinh doanh, tỷ lệ khó khăn trong kinh doanh có giảm đi. Nhưng nếu nhìn lại thì khái niệm điều kiện kinh doanh chưa rõ, vẫn còn lẫn lộn giữa điều kiện kinh doanh và tiêu chuẩn kỹ thuật. “Nhiều cái chưa rõ nên còn lúng túng trong thực hiện”, ông Tuấn nói.

Khái quát những tồn tại, ông Tuấn nói rằng, tư duy cách thức quản lý chưa bảo đảm quyền tự do kinh doanh. Bởi đơn giản điều kiện kinh doanh là giới hạn quyền tự do kinh doanh hiến định. Có đôi khi, trong các tờ trình của các Bộ vẫn đặt là mục tiêu ban hành các điều kiện kinh doanh là để bảo đảm “quản lý nhà nước”. Điều này không đúng vì quản lý nhà nước không phải là mục tiêu duy nhất của chính sách.

Các cơ quan quản lý nhà nước vẫn sử dụng các giải pháp hành chính để can thiệp vào thị trường. Rồi việc sửa đổi danh mục các ngành nghề kinh doanh có điều kiện vẫn không được các Bộ đồng thuận. Thậm chí, xu hướng hiện nay là cơ quan nhà nước muốn thêm các ngành nghề kinh doanh có điều kiện chứ không phải là bớt đi. Điều này rất đáng lo ngại, ông Tuấn nhận định.

“Để cải cách điều kiện kinh doanh hiệu quả, các Bộ, ngành cần đánh giá hiệu quả cải cách trong từng lĩnh vực; tiếp tục rà soát, đề xuất, bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh; giám sát việc tổ chức, xử lý nghiêm những hành vi cố tình gây khó cho doanh nghiệp; cần thúc đẩy cạnh tranh, tăng cường kỷ luật thị trường nhằm tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh, giúp doanh nghiệp phát triển mạnh và bền vững”, ông Tuấn phát biểu.

Nguồn: canhtranhquocgia.vn

CHÍNH PHỦ:

QUY ĐỊNH MỚI VỀ SỬ DỤNG, TRỌNG DỤNG ĐỐI VỚI CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngày 01/03/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 27/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

Cụ thể, Nghị định số 27/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP về trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ.

Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm được tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ không phải qua tập sự và được xếp vào bậc lương phù hợp với vị trí việc làm theo quy định.

Nghị định số 27/2020/NĐ-CP cũng bổ sung quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học và chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Nghị định số 27/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP về đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác.

Người đang giữ hạng chức danh khoa học, hạng chức danh công nghệ tại đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ, đáp ứng tiêu chuẩn của hạng chức danh cao hơn được xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh khoa học, hạng chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác nếu trong thời gian giữ hạng chức danh tại thời điểm xét đặc cách thăng hạng đạt một trong các điều kiện sau: Đạt giải thưởng quốc tế, giải thưởng uy tín trong nước về khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; chủ trì hoặc thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng được nghiệm thu ở mức đạt trở lên hoặc chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên được ứng dụng mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội; được cấp bằng tiến sỹ và có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ; được cấp bằng tiến sỹ khoa học hoặc được bổ nhiệm chức danh phó giáo sư; được bổ nhiệm chức danh giáo sư.

Mỗi thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ chỉ được sử dụng 1 lần để xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác.

Nghị định số 27/2020/NĐ-CP cũng bổ sung quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác.

Nghị định số 27/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về: nâng lương vượt bậc đối với cá nhân có thành tích trong hoạt động khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn của nhà khoa học đầu ngành; trình tự, thủ tục lựa chọn, công nhận nhà khoa học đầu ngành; kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành; tiếp tục hoặc dừng áp dụng chính sách đối với nhà khoa học đầu ngành; tiêu chuẩn, điều kiện và trình tự, thủ tục lựa chọn, công nhận nhà khoa học trẻ tài năng và nhiệm vụ của nhà khoa học trẻ tài năng; chính sách trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng; kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng...

Nghị định số 27/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 10 của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP về ưu đãi cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có chức danh giáo sư, phó giáo sư. Cụ thể, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có chức danh giáo sư, phó giáo sư trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ được bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng I, được hưởng các chính sách, chế độ như người có chức danh tương đương trong cơ sở giáo dục đại học công lập nếu các chính sách, chế độ đó có lợi hơn.

Nghị định số 27/2020/NĐ-CP cũng sửa đổi Khoản 1, bổ sung Khoản 8 Điều 18 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP về chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành. Theo đó, nhà khoa học đầu ngành được cấp kinh phí để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt theo Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học đã được Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập thông qua theo tiến độ hằng năm để thực hiện Đề án; được vinh danh, xem xét trao tặng các danh hiệu, giải thưởng về khoa học và công nghệ đối với các kết quả hoạt động khoa học và công nghệ xuất sắc theo quy định của pháp luật liên quan.

Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/2014/NĐ-CP về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học công nghệ tại Việt Nam.

Người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này khi chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng, có ảnh hưởng ở tầm quốc gia hoặc đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hoặc của một địa phương hoặc cho sự phát triển của chuyên ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ của Việt Nam và đáp ứng một trong các điều kiện sau: có sáng chế, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và đã được ứng dụng, chuyển giao tạo ra sản phẩm có giá trị thực tiễn hoặc có kinh nghiệm, chuyên môn sâu về ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện tại Việt Nam và đang làm việc

tại bộ phận nghiên cứu của Viện Nghiên cứu, Trường Đại học hoặc doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài; có công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ xuất sắc, đạt giải thưởng về khoa học và công nghệ hoặc đã được ứng dụng rộng rãi, mang lại hiệu quả và phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện tại Việt Nam; có bằng tiến sỹ và đang giảng dạy, tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong ít nhất 03 năm tại cơ sở nghiên cứu có uy tín ở nước ngoài về lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện tại Việt Nam; có bằng tiến sỹ và đã làm việc ít nhất 03 năm ở vị trí nghiên cứu khoa học tại chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ hoặc bộ phận nghiên cứu của doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài.

Nghị định số 27/2020/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Nghị định số 87/2014/NĐ-CP về: chính sách về tuyển dụng, lao động, học tập; chính sách về tiền lương; chính sách về tiếp cận thông tin; các chính sách khác...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/4/2020.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

Điều động, luân chuyển, chỉ định ông Nguyễn Đức Trung, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An nhiệm kỳ 2015 - 2020.

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Ông Phạm Hồng Hải, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông nghỉ hưu hưởng chế độ theo quy định, kể từ ngày 01/3/2020.

Trung tướng Nguyễn Tân Cương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng là thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính thay Thượng tướng Lê Chiêm, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng theo phân công công tác.

* Bộ Xây dựng:

Ông Đàm Đức Biên, Hàm Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Bộ Xây dựng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng, Bộ Xây dựng.

* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Ông Bùi Tôn Hiến, Hiệu trưởng Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức lao động xã hội được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Viện trưởng Viện Khoa học Lao động và Xã hội, kể từ ngày 01/3/2020.

* Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Ông Lê Vũ Tuấn Anh, Phó Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, kể từ ngày 04/3/2020.

* Tỉnh Quảng Ninh:

Bà Nguyễn Thị Thúy, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

* Tỉnh Hải Dương:

Ông Nguyễn Hồng Sơn, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

* Tỉnh Bắc Ninh:

Ông Nguyễn Đình Phương, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Tiên Du được tiếp nhận và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ông Trương Minh Thắng, Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tư pháp.

* Tỉnh Sơn La:

Ông Hà Ngọc Chung, Phó Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Sơn La được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Xây dựng.

Ông Lê Tiến Lợi, Phó Bí thư huyện uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp nhiệm kỳ 2015 - 2020 được điều động, giới thiệu và bầu giữ chức vụ Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2017 - 2022.

*** Tỉnh Hà Giang:**

Ông Trần Mạnh Lợi, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Hà Giang được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Dân vận Tỉnh ủy, kể từ ngày 01/3/2020.

Ông Hầu Minh Lợi, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được điều động, chỉ định giữ chức vụ Bí thư Thành ủy Hà Giang, nhiệm kỳ 2015 - 2020, kể từ ngày 01/3/2020.

Ông Trương Văn Thắng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được điều động, chỉ định giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan - doanh nghiệp tỉnh, kể từ ngày 01/3/2020.

Ông Đỗ Văn Hùng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, kể từ ngày 01/3/2020.

*** Tỉnh Lào Cai:**

Đại tá Lưu Hồng Quảng, Phó Giám đốc Công an tỉnh Lào Cai được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh, kể từ ngày 01/3/2020.

*** Tỉnh Lai Châu:**

Ông Vũ Huy Hòa, Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bà Tản Thị Quế, Phó Giám đốc phụ trách Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch./.

Nguồn: baochinhpvu.vn